

Bản án số 69/2022/HNGĐ-ST

Ngày 11 - 8 - 2022

V/v Tranh chấp “ly hôn,
nuôi con và tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIÁ RAI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Yên Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1/Bà **Cao Thị Mỹ Phượng**

2/Ông **Nguyễn Thành Nhận**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Khắc Hải - Thư ký Tòa án

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai-tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Mộng Đẹp**- Kiểm sát viên*

Ngày 11 tháng 08 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2021/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2021 về việc tranh chấp “ly hôn, nuôi con và tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2022/QĐXX - HNGĐ ngày 06 tháng 07 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Mộng K** sinh năm 1992

Địa chỉ: ấp 18, xã PTA, thị xã G R, tỉnh B L

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị K: Ông **Phạm Hữu H1**-
Luật sư Công ty luật TNHH MTV Tín H

Địa chỉ: 59, ấp LH, thị trấn P L, huyện P L, tỉnh BL

*Bị đơn: Anh **Nguyễn Vũ L** sinh năm 1989

Địa chỉ: ấp 18, xã PTA, thị xã G R, tỉnh B L

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Lê Mộng K trình bày: Chị và anh Nguyễn Vũ L kết hôn với nhau vào năm 2017, đăng ký kết hôn ngày 06/7/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Phong Thạnh A. Trong quá trình chung sống, cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh L cũng có thời gian hạnh phúc. Vợ chồng chị

có 01 người con chung tên Nguyễn Khải H sinh ngày 20/03/2020, hiện đang sống với anh L. Từ năm 2021 thì cuộc sống vợ chồng trở nên mâu thuẫn vì anh L có người phụ nữ bên ngoài. Anh L kiếm có sinh sự đánh chị và đuổi chị ra khỏi nhà chồng. Nhận thấy đời sống hôn nhân nặng nề, không hạnh phúc, nay chị yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Vũ L vì lý do mục đích hôn nhân không đạt được, không còn tình cảm với anh L.

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Vũ Linh

Về con chung: Chị K yêu cầu được nuôi con, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con theo pháp luật.

Về tài sản chung: Chị xác định tổng số tiền gửi tiết kiệm ở Ngân hàng Phương Đông là 250.000.000 đồng, chị K đã rút, chị đã đưa lại cho chồng 50.000.000 đồng, còn giữ 200.000.000 đồng, đồng ý chia lại cho chồng. Chị không có gửi tiền ở Ngân hàng Việt Á.

Đối với số tiền hui thì chị K xác định vợ chồng chị có vô 2 chung hui và chị đã hót 2 chung, hui vô của chị Thuý và chị Hồng nhưng tiền đóng hui không phải của anh L mà là từ tiền lương của chị. Lúc vô hui là vợ chồng còn sống chung với nhau. Khi sống chung năm 2017 thì anh L có đưa tiền lương cho chị lo chi tiêu trong nhà, đến khi có con thì phân ra người lo chi tiêu, đóng hui là chị K, còn anh L lo mua sữa cho con. Nên tiền hui là chị không đồng ý chia, vì hót khi còn sống chung, chị giữ tiền hót hui để chi xài trong gia đình bên chồng, lo cho con nên hiện nay tiền hót hui không còn.

Nợ chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu toà án giải quyết

*Anh Nguyễn Vũ L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh L không đồng ý ly hôn, muốn vợ trở về cùng nuôi con, để con có cha có mẹ.

Về con chung: Anh L yêu cầu được nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng, hiện nay anh đang nuôi con.

Về tài sản chung: Thống nhất tổng số tiền gửi tiết kiệm ở Ngân hàng Phương Đông là 250.000.000 đồng, số tiền trên vợ đã rút và giữ, yêu cầu chia theo pháp luật. Anh không có giữ 50.000.000 đồng.

Ngoài ra, vô hui của chị Nguyễn Phương T -Phó hiệu trưởng trường mầm non Phong Thạnh A, ở Khóm 1, Phường 1, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu 01 chung loại hui tháng 1.000.000 đồng, chị K đã hót 14.500.000 đồng (hót cuối), tiền K đang giữ, tiền đóng hui là tiền chung của vợ chồng, yêu cầu chia theo pháp luật. Vô hui của chị H2-Phó hiệu trưởng trường mầm non Hương Sen xã Phong Thạnh, ấp 19, xã Phong Thạnh, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, 01 chung loại hui tháng 1.000.000 đồng, chị K đã hót 24.500.000 đồng, tiền K đang giữ, tiền đóng hui là tiền chung của vợ chồng, trong thời kỳ hôn nhân, tiền chung của vợ chồng, yêu cầu chia theo pháp luật. Tiền hui là vợ hót sau khi đi khỏi nhà chồng nên không có việc chi tiêu trong gia đình và con. Trong đơn yêu cầu chia tài sản anh có yêu cầu chia 1 cây vàng 9999, nay anh không tiếp tục yêu cầu chia đối với 01 cây vàng 9999 vì của bên vợ cho vợ. Anh xác định là chị K có gửi 50.000.000 đồng trong Ngân hàng

Việt Á. Yêu cầu toà án chia tài sản chung của vợ chồng theo quy định pháp luật.

Nợ chung : không có nên không yêu cầu toà án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 41 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, đúng thời hạn chuẩn bị xét xử, gửi các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát đầy đủ. HĐXX có đầy đủ thành viên và thư ký phiên tòa. Từ khi thụ lý đến khi xét xử, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 27; Điều 33 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 56, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Kiểm sát viên đề xuất quan điểm giải quyết vụ án:

-Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị K đối với anh Nguyễn Vũ L .

-Về con chung: Giao cháu Nguyễn Khải H sinh ngày 20/3/2020 cho chị K chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật 50%/ mức lương cơ sở/tháng là 745.000đ/tháng.

- Về quan hệ tài sản:

-Chấp nhận lời trình bày của anh L, xác định chị K đã rút và đang giữ số tiền gửi tiết kiệm ở Ngân hàng TMCP Phương Đông là 250.000.000đồng và 50.000.000 đồng tiền gửi tiết kiệm Ngân hàng TMCP Việt Á. Tổng tài sản chung của vợ chồng là 300.000.000 đồng, chia cho chị K 150.000.000 đồng, chia cho anh L 150.000.000 đồng, do chị K đang giữ tiền nên chị K có trách nhiệm giao lại cho anh L 150.000.000đồng.

-Không có căn cứ để chấp nhận phần yêu cầu của anh L về việc chia số tiền hụi 39.000.000đ. Không đặt ra xem xét đối với 01 cây 9999 do anh L không tiếp tục yêu cầu.

-Về án phí hôn nhân gia đình, chia tài sản, cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm các đương sự sẽ chịu theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử có cơ sở nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy hôn nhân giữa chị Lê Mộng K và anh Nguyễn Vũ L là hợp pháp. Anh, chị kết hôn năm 2017 trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình, có đăng ký kết hôn ngày 06/07/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Phong Thạnh A nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Nay chị K yêu cầu ly hôn, anh L không đồng ý với lý do là anh rất thương vợ và con. Vợ chồng đôi lúc cũng có mâu thuẫn nhỏ nhưng anh L nhận thấy chỉ là mâu thuẫn nhỏ có thể hàn gắn được nên không đồng ý ly hôn.

Tuy nhiên, đời sống hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và sự hòa hợp giữa hai người. Vợ, chồng có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm và chăm sóc nhau để xây dựng gia đình hạnh phúc. Anh L thừa nhận đôi lúc cũng cãi vã với vợ. Hơn nữa do bận công việc làm ăn nên vô tâm không để ý đến tâm tư, tình cảm của vợ. Anh L không tìm hiểu để hòa giải mâu thuẫn giữa vợ chồng, anh không quan tâm về đời sống tinh thần của vợ dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt, chị K nhận thấy không thể chung sống được nữa với chồng nên yêu cầu ly hôn. Nguyên nhân do anh L có người phụ nữ khác bên ngoài mà còn về kiểm soát sinh sự đánh đuổi chị ra khỏi nhà.

Theo yêu cầu của anh L, Tòa án đã cho thời gian để anh hàn gắn tình cảm với vợ. Tuy nhiên, sau thời gian được Tòa án chấp nhận theo yêu cầu nhưng anh L và chị K vẫn không hàn gắn được tình cảm. Đồng thời, tại phiên tòa hôm nay chị K vẫn cương quyết yêu cầu xin ly hôn với anh L, anh L đồng ý, chị xác định nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc. Chị K đã về nhà cha mẹ ruột ở từ đầu tháng 6/2021 cho đến nay, chị K về nhà mẹ ruột ở và chấm dứt đời sống chung của vợ chồng. Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị K và anh L đã có sự rạn nứt đến mức trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân đã không đạt được. Xét thấy lý do yêu cầu xin ly hôn của chị K là có cơ sở để chấp nhận nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Mộng K đối với anh Nguyễn Vũ L.

Về quan hệ con chung: Chị Lê Mộng K và anh Nguyễn Vũ L có 01 người con chung tên Nguyễn Khải H, sinh ngày 20/03/2020, hiện nay đang sống với anh L. Tại phiên tòa, chị K yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con sau khi ly hôn và có yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Anh L cũng có yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con và không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con.

Do chị K và anh L đều có nguyện vọng được nuôi con nên HĐXX xem xét điều kiện vật chất và tinh thần của cháu. Theo chị K trình bày chị sinh con ra và sinh sống bên chồng, do bị anh L đánh đuổi nên chị mới rời nhà chồng về nhà mẹ ruột sống mà không mang theo con nhưng chị có về thăm con. Nay chị ly hôn anh L thì chị yêu cầu nuôi con vì con hiện chưa đủ 36 tháng tuổi cần sự yêu thương chăm sóc của người mẹ. Chị có đủ điều kiện nuôi con vì chị đang là giáo viên Trường mầm non ở xã Phong Thạnh A, thu nhập ổn định. Phía anh L cung cấp chứng cứ là bản lương tháng của anh và cha mẹ anh cũng xác định chăm sóc con rất tốt, cháu H phát triển khỏe mạnh từ khi chị K rời khỏi gia đình. Xét thấy cả hai bên đều có điều kiện về vật chất để nuôi cháu H. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom,*

chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”

HĐXX xét thấy cháu Nguyễn Khải H chưa đủ 36 tháng tuổi thì theo quy định pháp luật là giao cho mẹ và thấy từ khi cháu H được sinh ra, chị K là người trực tiếp chăm sóc, chỉ khi vợ chồng mâu thuẫn thì chị K về nhà mẹ ruột ở nhưng vẫn có đến thăm con. Do đó xét thấy cần giao cháu Nguyễn Khải H cho chị K tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Hiện nay anh L đang nuôi cháu H, buộc anh L phải có nghĩa vụ giao cháu H cho chị K chăm sóc nuôi dưỡng. Anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật 50%/ mức lương cơ sở/tháng là 745.000đ/tháng. Anh L không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền, nghĩa vụ tới lui chăm sóc, thăm nom con không ai được cản trở.

Về quan hệ tài sản chung: Chị K, anh L thống nhất xác định có gửi Ngân hàng Phương Đông 250.000.000đ. Chị K cho rằng khi rút số tiền trên từ ngân hàng Phương Đông có đưa cho anh L 50.000.000đ, chị giữ 200.000.000đ chị đồng ý chia. Anh L không thừa nhận việc chị K có đưa 50.000.000đ, chị K cũng không chứng minh được mình đã đưa anh L số tiền trên. Do đó, có căn cứ chấp nhận lời trình bày của anh L, xác định chị K đang giữ số tiền 250.000.000đ. Chị K và anh L mỗi người được chia $\frac{1}{2}$ đối với số tiền 250.000.000 đồng.

Anh L xác định trong quá trình chung sống vợ chồng anh có gửi Ngân hàng TMCP Việt Á số tiền 50.000.000đ, chị K đứng tên người gửi, theo lời khai trong hồ sơ chị K cho rằng không có sự việc gửi tiền như lời trình bày của anh L. Tại phiên toà, hội đồng xét xử đã công Kì Công văn 1843/2022/CV-VAB ngày 22/6/2022 của Ngân hàng Việt Á xác định: Khách hàng Lê Thị Mộng K, CMND 385547152 có mở sổ ngày 18/02/2021, ngày tắt toán ngày 06/9/2021, kèm theo phiếu lưu thẻ hiện số tiền gửi 50.000.000đ.

Phía luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị K giải thích rằng: Chị K rút 50.000.000 đồng từ số tiền 250.000.000 đồng gửi Ngân hàng TMCP Phương Đông để gửi sang Ngân hàng TMCP Việt Á chi nhánh Cái Răng- Cần Thơ nên tài sản chung vợ chồng vẫn là 250.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị K đã cố ý không Kì báo về số tiền 50.000.000 đồng gửi ở Ngân hàng TMCP Việt Á, toà án nhiều lần hỏi thì chị khẳng định là không có gửi, trong thời gian chung sống với anh L, chị K đã không nói cho anh L biết gửi ở Ngân hàng TMCP Việt Á Chi nhánh Cái Răng –Cần Thơ mà anh L chỉ biết là gửi ở Ngân hàng TMCP Việt Á. Chị K không chứng minh được số tiền 50.000.000 đồng là tiền rút từ Ngân hàng Phương Đông chuyển qua nên lời giải thích của Luật sư là không có cơ sở. Do đó hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận lời trình bày của anh L, trong thời gian vợ chồng chung sống có gửi Ngân hàng TMCP Việt Á số tiền 50.000.000đ do chị K đứng tên người gửi. Xét thấy, thời gian chị K rút tiền gửi là ngày 6/9/2021, nghĩa là sau khi vợ chồng đã sống ly thân. Do đó có đủ căn cứ xác định đây là tiền chung của vợ chồng. Chị K đang giữ 50.000.000đồng, chị K có trách nhiệm giao lại cho anh L 25.000.000đồng.

- Anh L yêu cầu chia số tiền hụi 39.000.000đồng, trong đó: Chị K vô hụi của chị Nguyễn Phương Thủy loại hụi 1.000.000đ đã hốt số tiền 14.500.000đ và vô hụi của chị Hồng 01 chung loại hụi 1.000.000đồng, chị K hốt được 24.500.000đồng, chị K giữ tiền đóng hụi là của chung vợ chồng. Chị K xác định đã hốt hụi trong thời gian vợ chồng chung sống chị đã chi xài trong gia đình, lo cho con nên hiện không còn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án có tiến hành ghi nhận ý kiến của chủ hụi chị T và chị H2 xác định chị K có tham gia chơi hụi, hiện dây hụi đã mất nhưng không nhớ số tiền là bao nhiêu do thời gian lâu. Xét thấy, trên thực tế chị K có tham gia chơi hụi trong thời kỳ hôn nhân của anh chị nhưng số tiền hốt hụi cũng không nhiều, việc chi tiêu cho con và cuộc sống sinh hoạt hằng ngày trong gia đình là có trên thực tế. Chị K xác định chị đã dùng số tiền hốt hụi để chi tiêu trong gia đình và lo cho con là có căn cứ để chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận phần yêu cầu của anh L về việc chia số tiền hụi 39.000.000đ. Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia 01 cây vàng 9999 do quá trình hoà giải và tại phiên toà, anh L rút yêu cầu.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị K phải nộp nhưng chị K đã dự nộp nên chuyển thu án phí.

Về án phí chia tài sản: Anh L và chị K phải nộp theo quy định pháp luật.

Về án phí cấp dưỡng: Anh L phải nộp theo quy định pháp luật.

Đối với ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho chị K, Hội đồng xét xử ghi nhận và xem xét về yêu cầu hôn nhân và con chung của chị K, đối với việc chia tài sản thì Hội đồng xét xử nhận định là tài sản chung vợ chồng của chị K và anh L là 300.000.000đồng chứ không phải 250.000.000đồng như lời giải thích tại phiên toà của Luật sư. Việc giải thích của Luật sư về số tiền hụi là phù hợp với thực tế nên ghi nhận.

Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 53, 56, 59, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội .

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Mộng K xin được ly hôn với anh Nguyễn Vũ L.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Khải H sinh ngày 20/3/2020 cho chị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Buộc anh Nguyễn Vũ L phải có nghĩa vụ giao lại cháu Nguyễn Khải H cho chị Lê Thị Mộng K khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh L không trực tiếp nuôi con có quyền tới lui thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

-Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Nguyễn Vũ L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Khải H sinh ngày 20/3/2020, theo phương thức cấp dưỡng hàng tháng, với mức cấp dưỡng là 745.000đ/tháng. Chị K được nhận số tiền cấp dưỡng để dùng vào việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Khải H.

- Về quan hệ tài sản chung: Tổng giá trị tài sản chung của chị Lê Thị Mộng K và anh Nguyễn Vũ L có là 300.000.000 đồng, chị K đang giữ số tiền trên. Chia cho chị Lê Thị Mộng K số tiền 150.000.000 đồng, chia cho anh Nguyễn Vũ L số tiền 150.000.000 đồng. Buộc chị K có nghĩa vụ giao lại số tiền 150.000.000đ cho anh L.

Không chấp nhận yêu cầu của anh L về việc yêu cầu chia số tiền hui 39.000.000đ. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của anh L đối với 01 cây vàng 9999.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lê Mộng K phải nộp 300.000 đồng. Chị K đã dự nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0003719 ngày 15/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Giá Rai tỉnh Bạc Liêu, được chuyển thu án phí.

Về án phí chia tài sản có giá ngạch trên giá trị tài sản được chia: Chị Lê Thị Mộng K phải nộp 7.500.000 đồng, anh Nguyễn Vũ L phải nộp 7.500.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai. Anh L đã dự nộp 10.000.000 đồng theo

biên lai thu số 0003783 ngày 06/01/2022, sau khi khấu trừ anh L được nhận lại 2.500.000đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Vũ L phải nộp số tiền 300.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND thị xã Giá Rai;
- CC THADS thị xã Giá Rai;
- Đương sự;
- Lưu.

(đã ký)

Lê Yến Ngọc